**PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN PHÚ HÒA**

**TRƯỜNG THCS THCS NGUYỄN THẾ BẢO**

**TỔ: KHTN**

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC KHTN 7**

Kế hoạch giáo dục (KHGD) này áp dụng cho môn KHTN lớp 7 theo Sách giáo khoa Chân trời sáng tạo, từ năm học 2022-2023.

Thời lượng quy định tại KHGD áp dụng trong trường hợp học 1 buổi/ngày*.*

**PHÂN BỐ SỐ TIẾT CHO CÁC CHỦ ĐỀ.**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| T | TÊN CHỦ ĐỀ | Số tiết theo phân môn | | | Ghi chú |
| Lý | Hóa | Sinh |
| 1 | MỞ ĐẦU |  | 5 |  | Phần chung |
| 2 | CHỦ ĐỀ 1. Nguyên tử - Nguyên tố hóa học – Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học. |  | 15 |  |  |
| 3 | CHỦ ĐỀ 2. Phân tử |  | 13 |  |  |
| 4 | CHỦ ĐỀ 3. Tốc độ | 11 |  |  |  |
| 5 | CHỦ ĐỀ 4. Âm thanh | 10 |  |  |  |
| 6 | CHỦ ĐỀ 5. Ánh sáng | 9 |  |  |  |
| 7 | CHỦ ĐỀ 6. Từ | 10 |  |  |  |
| 8 | CHỦ ĐỀ 7. Trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật |  |  | 32 |  |
| 9 | CHỦ ĐỀ 8. Cảm ứng ở sinh vật và tập tính ở động vật |  |  | 4 |  |
| 10 | CHỦ ĐỀ 9. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật |  |  | 7 |  |
| 11 | CHỦ ĐỀ 10. Sinh sản ở sinh vật |  |  | 7 |  |
| 12 | CHỦ ĐỀ 11. Cơ thể sinh vật là một thể thống nhất. |  |  | 2 |  |
| 13 | ÔN TẬP VÀ KIỂM TRA | 13 | 2 | 0 | Tách chia vào PPCT phân môn Lí và Hóa |
| TỔNG: 140 Tiết | | 53 | 35 | 52 |  |

**Khung phân phối chương trình thực hiện theo các phân môn**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **MÔN KHOA HỌC TỰ NHIÊN** | **PHÂN MÔN LÍ (1.5 tiết/tuần)** | **PHÂN MÔN HÓA**  **(1 tiết/tuần)** | **PHÂN MÔN SINH**  **(1.5 tiết/tuần)** |
| **Cả năm: 35 tuần x 4 tiết = 140 tiết** | **53 tiết** | **35 tiết** | **52 tiết** |
| Học kỳ I: 18 tuần x 4 tiết = 72 tiết | **36 tiết** | **18 tiết** | **18 tiết** |
| Học kỳ II: 17 tuần x 4 tiết = 68 tiết | **17 tiết** | **17 tiết** | **34 tiết** |

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TUẦN** | **TCT** | **LÝ** | **TCT** | **HÓA** | **TCT** | **SINH** |
| **Học kỳ I. 18 tuần x 4 tiết = 72 tiết** | | | | | | |
| Tuần 1 | Tiết 1 | Bài 8. Tốc độ chuyển động | Tiết 1 | Bài 1. Phương pháp và kĩ năng học tập môn Khoa học tự nhiên | Tiết 1 | Bài 22. Vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật |
| Tiết 2 | Bài 8. Tốc độ chuyển động (tiếp theo) |
| Tuần 2 | Tiết 3 | Bài 8. Tốc độ chuyển động (tiếp theo) | Tiết 2 | Bài 1. Phương pháp và kĩ năng học tập môn Khoa học tự nhiên (tiếp theo) | Tiết 2 | Bài 22. Vai trò của trao đổi chất và chuyển hóa năng lượng ở sinh vật (tiếp theo) |
| Tiết 4 | Bài 9. Đồ thị quãng đường - thời gian |
| Tuần 3 | Tiết 5 | Bài 9. Đồ thị quãng đường - thời gian (tiếp theo) | Tiết 3 | Bài 1. Phương pháp và kĩ năng học tập môn Khoa học tự nhiên (tiếp theo) | Tiết 3 | Bài 23. Quang hợp ở thực vật |
| Tiết 6 | Bài 9. Đồ thị quãng đường - thời gian (tiếp theo) |
| Tuần 4 | Tiết 7 | Bài 10. Đo tốc độ | Tiết 4 | Bài 1. Phương pháp và kĩ năng học tập môn Khoa học tự nhiên (tiếp theo) | Tiết 4 | Bài 23. Quang hợp ở thực vật (tiếp theo) |
| Tiết 8 | Bài 10. Đo tốc độ (tiếp theo) |
| Tuần 5 | Tiết 9 | Bài 10. Đo tốc độ (tiếp theo) | Tiết 5 | Bài 1. Phương pháp và kĩ năng học tập môn Khoa học tự nhiên (tiếp theo) | Tiết 5 | Bài 23. Quang hợp ở thực vật (tiếp theo) |
| Tiết 10 | Bài 11. Tốc độ và an toàn giao thông |
| Tuần 6 | Tiết 11 | Bài 11. Tốc độ và an toàn giao thông (tiếp theo) | Tiết 6 | Bài 2. Nguyên tử | Tiết 6 | Bài 23. Quang hợp ở thực vật (tiếp theo) |
| Tiết 12 | Bài 12. Mô tả sóng âm |
| Tuần 7 | Tiết 13 | Bài 12. Mô tả sóng âm (tiếp theo) | Tiết 7 | Bài 2. Nguyên tử (tiếp theo) | Tiết 7 | Bài 24. Thực hành chứng minh quang hợp ở cây xanh |
| Tiết 14 | Bài 12. Mô tả sóng âm (tiếp theo) |
| Tuần 8 | Tiết 15 | Bài 12. Mô tả sóng âm (tiếp theo) | Tiết 8 | Ôn tập chủ đề | Tiết 8 | Ôn tập chủ đề |
| Tiết 16 | Ôn tập giữa kỳ 1 |
| Tuần 9 | Tiết 17 | Kiểm tra giữa kì 1 | Tiết 9 | Bài 2. Nguyên tử (tiếp theo) | Tiết 9 | Bài 25. Hô hấp ở tế bào |
| Tiết 18 | Kiểm tra giữa kì 1 |
| Tuần 10 | Tiết 19 | Bài 13. Độ to và độ cao của âm | Tiết 10 | Bài 2. Nguyên tử (tiếp theo) | Tiết 10 | Bài 25. Hô hấp ở tế bào (tiếp theo) |
| Tiết 20 | Bài 13. Độ to và độ cao của âm (tiếp theo) |
| Tuần 11 | Tiết 21 | Bài 13. Độ to và độ cao của âm (tiếp theo) | Tiết 11 | Bài 3. Nguyên tố hóa học | Tiết 11 | Bài 25. Hô hấp ở tế bào (tiếp theo) |
| Tiết 22 | Bài 14. Phản xạ âm |
| Tuần 12 | Tiết 23 | Bài 14. Phản xạ âm (tiếp theo) | Tiết 12 | Bài 3. Nguyên tố hóa học (tiếp theo) | Tiết 12 | Bài 26. Thực hành về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt |
|  | Tiết 24 | Bài 14. Phản xạ âm (tiếp theo) |
| Tuần 13 | Tiết 25 | Ôn tập chủ đề | Tiết 13 | Bài 3. Nguyên tố hóa học (tiếp theo) | Tiết 13 | Bài 26. Thực hành về hô hấp tế bào ở thực vật thông qua sự nảy mầm của hạt (tiếp theo) |
| Tiết 26 | Bài 15. Ánh sáng, tia sáng |
| Tuần 14 | Tiết 27 | Bài 15. Ánh sáng, tia sáng (tiếp theo) | Tiết 14 | Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học | Tiết 14 | Bài 27. Trao đổi khí ở sinh vật |
| Tiết 28 | Bài 15. Ánh sáng, tia sáng (tiếp theo) |
| Tuần 15 | Tiết 29 | Bài 16. Sự phản xạ ánh sáng | Tiết 15 | Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (tiếp theo) | Tiết 15 | Bài 27. Trao đổi khí ở sinh vật (tiếp theo) |
| Tiết 30 | Bài 16. Sự phản xạ ánh sáng (tiếp theo) |
| Tuần 16 | Tiết 31 | Bài 16. Sự phản xạ ánh sáng (tiếp theo) | Tiết 16 | Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (tiếp theo) | Tiết 16 | Bài 27. Trao đổi khí ở sinh vật (tiếp theo) |
| Tiết 32 | Bài 17. Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng |
| Tuần 17 | Tiết 33 | Bài 17. Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng (tiếp theo) | Tiết 17 | Ôn tập cuối kỳ 1 | Tiết 17 | Ôn tập chủ đề |
| Tiết 34 | Ôn tập cuối kỳ 1 |
| Tuần 18 | Tiết 35 | Kiểm tra cuối kì 1 | Tiết 18 | Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (tiếp theo) | Tiết 18 | Bài 28. Vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật |
| Tiết 36 | Kiểm tra cuối kì 1 |
| **Học kỳ II. 17tuần x 4 tiết = 68 tiết** | | | | | | |
| Tuần 19 | Tiết 37 | Bài 17. Ảnh của vật tạo bởi gương phẳng (tiếp theo) | Tiết 19 | Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (tiếp theo) | Tiết 19 | Bài 28. Vai trò của nước và các chất dinh dưỡng đối với cơ thể sinh vật (tiếp theo) |
| Tiết 20 | Bài 29. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật |
| Tuần 20 | Tiết 38 | Bài 18. Nam châm | Tiết 20 | Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (tiếp theo) | Tiết 21 | Bài 29. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật (tiếp theo) |
| Tiết 22 | Bài 29. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật (tiếp theo) |
| Tuần 21 | Tiết 39 | Bài 18. Nam châm (tiếp theo) | Tiết 21 | Bài 4. Sơ lược về bảng tuần hoàn các nguyên tố hóa học (tiếp theo) | Tiết 23 | Bài 29. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật (tiếp theo) |
| Tiết 24 | Bài 29. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở thực vật (tiếp theo) |
| Tuần 22 | Tiết 40 | Bài 19. Từ trường | Tiết 22 | Bài 5. Phân tử - Đơn chất - Hợp chất | Tiết 25 | Bài 30. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật |
| Tiết 26 | Bài 30. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật (tiếp theo) |
| Tuần 23 | Tiết 41 | Bài 19. Từ trường (tiếp theo) | Tiết 23 | Bài 5. Phân tử - Đơn chất - Hợp chất (tiếp theo) | Tiết 27 | Bài 30. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật (tiếp theo) |
| Tiết 28 | Bài 30. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật (tiếp theo) |
| Tuần 24 | Tiết 42 | Bài 19. Từ trường (tiếp theo) | Tiết 24 | Bài 5. Phân tử - Đơn chất - Hợp chất (tiếp theo) | Tiết 29 | Bài 30. Trao đổi nước và các chất dinh dưỡng ở động vật (tiếp theo) |
| Tiết 30 | Bài 31. Thực hành chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước |
| Tuần 25 | Tiết 43 | Bài 20. Từ trường Trái Đất - Sử dụng la bàn | Tiết 25 | Bài 5. Phân tử - Đơn chất - Hợp chất (tiếp theo) | Tiết 31 | Bài 31. Thực hành chứng minh thân vận chuyển nước và lá thoát hơi nước (tiếp theo) |
| Tiết 32 | Bài 32. Cảm ứng ở sinh vật |
| Tuần 26 | Tiết 44 | Ôn tập giữa kì 2 | Tiết 26 | Ôn tập chủ đề | Tiết 33 | Bài 32. Cảm ứng ở sinh vật (tiếp theo) |
| Tiết 34 | Ôn tập chủ đề |
| Tuần 27 | Tiết 45 | Kiểm tra giữa kì 2 | Tiết 27 | Bài 6. Giới thiệu về liên kết hóa học | Tiết 35 | Bài 33. Tập tính ở động vật |
| Tiết 36 | Bài 33. Tập tính ở động vật (tiếp theo) |
| Tuần 28 | Tiết 46 | Kiểm tra giữa kì 2 | Tiết 28 | Bài 6. Giới thiệu về liên kết hóa học (tiếp theo) | Tiết 37 | Bài 34. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật |
| Tiết 38 | Bài 34. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (tiếp theo) |
| Tuần 29 | Tiết 47 | Bài 20. Từ trường Trái Đất - Sử dụng la bàn (tiếp theo) | Tiết 29 | Bài 6. Giới thiệu về liên kết hóa học (tiếp theo) | Tiết 39 | Bài 34. Sinh trưởng và phát triển ở sinh vật (tiếp theo) |
| Tiết 40 | Bài 35. Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật |
| Tuần 30 | Tiết 48 | Bài 20. Từ trường Trái Đất - Sử dụng la bàn (tiếp theo) | Tiết 30 | Bài 6. Giới thiệu về liên kết hóa học (tiếp theo) | Tiết 41 | Bài 35. Các nhân tố ảnh hưởng đến sinh trưởng và phát triển của sinh vật (tiếp theo) |
| Tiết 42 | Bài 36. Thực hành chứng minh sinh trưởng và phát triển ở thực vật, động vật |
| Tuần 31 | Tiết 49 | Bài 21. Nam châm điện | Tiết 31 | Bài 7. Hóa trị và công thức hóa học | Tiết 43 | Bài 37. Sinh sản ở sinh vật (tiếp theo) |
| Tiết 44 | Bài 37. Sinh sản ở sinh vật. |
| Tuần 32 | Tiết 50 | Bài 21. Nam châm điện (tiếp theo) | Tiết 32 | Bài 7. Hóa trị và công thức hóa học (tiếp theo) | Tiết 45 | Bài 37. Sinh sản ở sinh vật (tiếp theo) |
| Tiết 46 | Bài 37. Sinh sản ở sinh vật (tiếp theo) |
| Tuần 33 | Tiết 51 | Ôn tập cuối HKII | Tiết 33 | Ôn tập cuối HKII | Tiết 47 | Bài 37. Sinh sản ở sinh vật (tiếp theo) |
| Tiết 48 | Ôn tập chủ đề |
| Tuần 34 | Tiết 52 | Kiểm tra HKII | Tiết 34 | Bài 7. Hóa trị và công thức hóa học (tiếp theo) | Tiết 49 | Bài 38. Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản và điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật |
| Tiết 50 | Bài 38. Các yếu tố ảnh hưởng đến sinh sản và điều hoà, điều khiển sinh sản ở sinh vật (tiếp theo) |
| Tuần 35 | Tiết 53 | Kiểm tra HKII | Tiết 35 | Bài 7. Hóa trị và công thức hóa học (tiếp theo) | Tiết 51 | Bài 39. Chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất |
| Tiết 52 | Bài 39. Chứng minh cơ thể sinh vật là một thể thống nhất (tiếp theo) |

**III. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN**

**1. Về bố trí dạy học**

Sắp xếp dạy học theo buổi 2 tiết liền kề, phân môn Sinh học thực hiện theo tiết thứ 1 và thứ 2, phân môn Hóa học và Vật lí thực hiện dạy học theo tiết lần lượt thứ 3 và thứ 4 trong tuần để đảm bảo thực hiện các bài kiểm tra giữa kì và cuối kì trong từng học kì và cả năm học.

Ở HKI phân môn hóa, sinh dạy 1 tiết/tuần; phân môn lý dạy 2 tiết/tuần.

Ở HKII phân môn Sinh dạy 2 tiết/tuần; phân môn hóa, lý dạy 1 tiết/tuần.

**2. Về kiểm tra, đánh giá**

a. Kiểm tra, đánh giá thường xuyên *(viết tắt là ĐĐGtx)*: Tính hệ số 1.

- Kiểm tra, đánh giá thường xuyên được thực hiện trong quá trình dạy học và giáo dục, nhằm kiểm tra, đánh giá quá trình và kết quả thực hiện các nhiệm vụ học tập, rèn luyện của học sinh theo chương trình môn Khoa học tự nhiên.

- Đối với một môn học, mỗi học sinh được kiểm tra, đánh giá nhiều lần, trong đó chọn một số lần kiểm tra, đánh giá phù hợp với tiến trình dạy học theo kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn, ghi kết quả đánh giá vào sổ theo dõi và đánh giá học sinh (theo lớp học) để sử dụng trong việc đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định.

- Hình thức: Trực tiếp hoặc trực tuyến thông qua: hỏi - đáp, viết, thuyết trình, thực hành, thí nghiệm, sản phẩm học tập.

- Số lần: 4 ĐĐGtx trong mỗi học kì, cụ thể như sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| KHTN | Học kỳ I | Học kỳ II | Ghi chú |
| Phân môn Vật lí | 2 ĐĐGtx trong mỗi học kì | 1 ĐĐGtx trong mỗi học kì | 2 Tiết/ tuần ở HKI  1 Tiết/tuần ở HKII |
| Phân môn Hóa học | 1 ĐĐGtx trong mỗi học kì | 1 ĐĐGtx trong mỗi học kì | 1 Tiết/ tuần ở HKI  1 Tiết/tuần ở HKII |
| Phân môn Sinh học | 1 ĐĐGtx trong mỗi học kì | 2 ĐĐGtx trong mỗi học kì | 1 Tiết/ tuần ở HKI  2 Tiết/tuần ở HKII |

b. Kiểm tra định kì

- Kiểm tra, đánh giá định kì được thực hiện sau mỗi giai đoạn giáo dục nhằm đánh giá kết quả học tập, rèn luyện và mức độ hoàn thành nhiệm vụ học tập của học sinh theo chương trình môn Khoa học tự nhiên.

- Kiểm tra, đánh giá định kì, gồm kiểm tra, đánh giá giữa kì và kiểm tra, đánh giá cuối kì, được thực hiện thông qua: bài kiểm tra (trên giấy hoặc trên máy tính), bài thực hành, dự án học tập.

+ Đề kiểm tra được xây dựng dựa trên ma trận, đặc tả của đề, đáp ứng theo mức độ cần đạt của môn Khoa học tự nhiên.

* Học kỳ I: Thành phần tỉ lệ của các phân môn như sau: 50% phân môn Vật lí, 25% phân môn Hóa học, 25% phân môn Sinh học. Nội dung đề kiểm tra, đánh giá cần kết hợp hai hình thức trắc nghiệm khách quan (30%) với tự luận (70%).
* Học kỳ II: Thành phần tỉ lệ của các phân môn như sau: 25% phân môn Vật lí, 25% phân môn Hóa học, 50% phân môn Sinh học. Nội dung đề kiểm tra, đánh giá cần kết hợp hai hình thức trắc nghiệm khách quan (30%) với tự luận (70%).

+ Đối với bài thực hành, dự án học tập phải có hướng dẫn và tiêu chí đánh giá trước khi thực hiện.

- Kiểm tra, đánh giá giữa kì *(viết tắt là ĐĐGgk)*: Tính hệ số 2.

+ Số lần: 01 (một) ĐĐGgk trong mỗi học kì.

+ Thời gian làm bài: 90 phút.

- Kiểm tra, đánh giá cuối kì *(viết tắt là ĐĐGck)*: tính hệ số 3.

+ Số lần: 01 (một) ĐĐGck trong mỗi học kì.

+ Thời gian làm bài: 90 phút.

c. Điểm các bài kiểm tra, đánh giá là số nguyên hoặc số thập phân được lấy đến chữ số thập phân thứ nhất sau khi làm tròn số.

d. Tổ (nhóm) chuyên môn căn cứ vào thời lượng của từng nội dung và logic của mạch kiến thức đề xuất vớihiệu trưởng quyết địnhviệc ra đề, in sao đề; chấm trả bài kiểm tra; vào điểm, đánh giá, xếp loại học sinh …./.

|  |  |
| --- | --- |
| **HIỆU TRƯỞNG** | *Phú Hòa, ngày 19 tháng 08 năm 2022*  **GIÁO VIÊN**  **TỔ TRƯỞNG** |
| **DUYỆT CỦA PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN PHÚ HÒA** | |